

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và nâng cấp dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong về việc, công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định 30/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 256/TTr-SGTVT ngày 28/12 /2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và nâng cấp Dịch vụ công trực tuyến được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công, tại Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc, tại Trung tâm Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KS TTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LDVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC (Ch).

**CHỦ TỊCH**

Trần Tuệ Hiền

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ NÂNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**  
**A1. TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
<b>I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b>				
01	1.000703. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	10	4
02	2.002285. 000.00.00.H10	Đăng ký khai thác tuyến	15	4
03	2.002288. 000.00.00.H10	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	20	4
04	2.002289. 000.00.00.H10	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	24	4
05	2.002287. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	29	4
06	2.002286. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	32	4
07	1.002856. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	37	4

08	1.002852. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	43	4
09	1.002063. 000.00.00.H10	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	49	4
10	1.001023. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia	53	4
11	1.001577. 000.00.00.H10	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia – Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam	57	4
12	1.000660. 000.00.00.H10	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	61	4
13	1.000672. 000.00.00.H10	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	67	4
14	1.002877. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	73	4
15	1.002869. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	78	4
16	1.002286. 000.00.00.H10	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	83	4
17	1.002889. 000.00.00.H10	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	87	4
18	1.002883. 000.00.00.H10	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	92	4
19	1.002268. 000.00.00.H10	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	98	4
20	1.002835. 000.00.00.H10	Cấp mới Giấy phép lái xe	104	4
21	1.002809. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	110	3
22	1.002801. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	113	2
23	1.002804. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	117	2
24	1.002796. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	120	2
25	1.002793. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	125	2
26	1.002820. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép lái xe	128	2

27	1.001777. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	132	4
28	1.001648. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	136	4
29	1.005210. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	140	4
30	1.001765. 000.00.00.H10	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	142	4
31	1.004993. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)	145	4
32	1.004995. 000.00.00.H10	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	148	4
33	1.004987. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	150	4
34	1.001735. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép xe tập lái	152	4
35	1.001751. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép xe tập lái	155	4
36	1.001001. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	158	4
37	1.002030. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	161	4
38	2.000881. 000.00.00.H10	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	167	4
39	2.000847. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	172	4
40	1.002007. 000.00.00.H10	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	176	4
41	1.001994. 000.00.00.H10	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	180	4
42	1.001826. 000.00.00.H10	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	184	4
43	2.000872. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng, nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	187	4
44	1.001919. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	192	4
45	1.001896.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy	196	4



	000.00.00.H10	chuyên dùng		
46	2.001921. 000.00.00.H10	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	201	4
47	2.001963. 000.00.00.H10	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	205	4
48	2.001919. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	210	4
49	2.001915. 000.00.00.H10	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	215	4
50	1.001075. 000.00.00.H10	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	219	4
51	1.001035. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	223	4
52	1.001046. 000.00.00.H10	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	227	4
53	1.001061. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	231	4
54	1.000583. 000.00.00.H10	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	235	4

55	1.001087. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công công trình quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	239	4
56	1.000314. 000.00.00.H10	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	243	4
57	1.000028. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	247	4
58	1.006930. 000.00.00.H10	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh.	252	4
59	1.006938. 000.00.00.H10	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.	262	4
60	1.006895. 000.00.00.H10	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	276	4
<b>II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b>				
61	1.003788. 000.00.00.H10	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	287	4
62	1.003675. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	291	4
63	1.003658. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	296	4
64	1.004047. 000.00.00.H10	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	302	4
65	1.004002. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	306	4
66	1.003970. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	309	4
67	1.006391. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	312	4
68	1.003930. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	315	4
69	2.001659. 000.00.00.H10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	318	4

**A2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
70	1.001261. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	321	2
71	1.005005. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	325	2
72	1.005018. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	328	2
73	1.004325. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	333	2
74	1.009351. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng	335	2

**B- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
<b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b>				
01	1.004047. 000.00.00.H10	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	339	4
02	1.004002. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	343	4
03	1.003970. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	346	4
04	1.006391. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	349	4
05	1.003930. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	352	4
06	2.001659. 000.00.00.H10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	355	4



**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Trang</b>	<b>Mức DVC</b>
<b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b>				
01	1.004047. 000.00.00.H10	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	358	4
02	1.004002. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	362	4
03	1.003970. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	365	4
04	1.006391. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	368	4
05	1.003930. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	371	4
06	2.001659. 000.00.00.H10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	374	4

**Phần II****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ NÂNG CẤP MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG  
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT  
CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI****A- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH****A1. TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ  
HÀNH CHÍNH CÔNG****I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

**1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Mã số TTHC: 1.000703.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục I của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

+ Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục I của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**h) Phí, lệ phí:** Không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*mẫu Phụ lục I của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**\* Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô**

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);

+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

\* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC I****MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH  
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****KDVT: .....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)****GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: ..... do... cấp ngày.....tháng ..... năm .....; Mã số thuế: .....  
.....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
- .....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)  
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:  
- Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.



## 2. Đăng ký khai thác tuyến. Mã số TTHC: 2.002285

### a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến về Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị được áp dụng theo cách thức như sau:

+ Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021: Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ: Lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

+ Áp dụng từ ngày 01/7/2021: Doanh nghiệp, hợp tác xã lập hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải *(không nhận hồ sơ gửi trực tiếp, hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, cơ quan quản lý tuyến)*.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu đủ thành phần hồ sơ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, hợp tác xã *(theo nguyên tắc đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước)*; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung:

+ Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021: Nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc trên hệ thống dịch vụ công những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật đủ hồ sơ. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp.

+ Áp dụng từ ngày 01/7/2021: Nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ đăng ký khai thác tuyến.

\* Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021:

+ Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn

thiện và cập nhật đủ hồ sơ. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp;

+ Đối với tuyển vận tải hành khách cố định liên tỉnh:

Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để lấy ý kiến.

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Trường hợp có doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến (trùng tuyến, trùng giờ), Sở Giao thông vận tải được lấy ý kiến thống nhất với Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến để quyết định theo nguyên tắc doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ trước được kiểm tra và xử lý hồ sơ trước theo thứ tự thời gian. Hết thời hạn trên nếu không có văn bản trả lời thì coi như Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến đã đồng ý.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP;

+ Đối với tuyển vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

\* Áp dụng từ ngày 01/7/2021:

+ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp trên hệ thống dịch vụ công;

+ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia

(đối với tuyển vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyển để phối hợp quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

- Bước 4: Kết quả đăng ký khai thác tuyến thành công được Sở GTVT thông báo bằng văn bản và thông báo trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyển, Sở Giao thông vận tải đầu tuyển bên kia (đối với tuyển liên tỉnh).

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Áp dụng từ ngày 01/7/2021: Lập hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục III của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao Biên bản thống nhất giữa bến xe hai đầu tuyển với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyển mới).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

#### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021:

+ Đối với tuyển vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyển bên kia, bến xe hai đầu tuyển để phối hợp quản lý;

+ Đối với tuyển vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyển để phối hợp quản lý.

- Áp dụng từ ngày 01/7/2021:

Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký

khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

**h) Phí, lệ phí:** Không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đăng ký khai thác tuyến (*mẫu Phụ lục III của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

**PHỤ LỤC III****MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN****TÊN ĐƠN VỊ KDVT:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã KDVT: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4; Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ... (tên cơ quan cấp) ..... cấp ngày ...../...../.....

5. Đăng ký .....(1)..... tuyến: Mã số số tuyến: .....

Nơi đi: ..... Nơi đến: .....(2)

Bến xe đi: ..... Bến xe đến: .....(3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: ....giờ.... phút, vào các ngày .....

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến: ....giờ.... phút, vào các ngày .....

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng: .....

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình chạy xe: .....

6. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

**Nơi nhận:****ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

- Như trên;

(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu.

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**3. Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải). Mã số TTHC: 2.002288**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;



Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

**h) Phí, lệ phí:** Không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

**PHỤ LỤC V**

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU  
**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Số: ...../....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT: .....
  2. Địa chỉ:.....
  3. Số điện thoại (Fax): .....
  4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô .....  
 ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại: .....
- Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(\*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải lập hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

**4. Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải). Mã số TTHC: 2.002289**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Đối với trường hợp khi bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy

từ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng phù hiệu.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

**h) Phí, lệ phí:** Không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**



- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

---

**PHỤ LỤC V**

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU  
**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT: .....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô .....  
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại: .....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(\*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải lập hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

## **5. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng. Mã số TTHC: 2.002287**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: Lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (mẫu Phụ lục I của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP);

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**h) Phí, lệ phí, giá:** Không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*mẫu Phụ lục I của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

---

**PHỤ LỤC I****MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH  
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****KDVT: .....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)****GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: ..... do... cấp ngày.....tháng ..... năm .....; Mã số thuế: .....  
.....

6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).

7. Người đại diện theo pháp luật:

8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).

9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

- .....

10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải

**6. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng. Mã số TTHC: 2.002286**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: Lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định (mẫu Phụ lục I của số 10/2020/NĐ-CP);

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh;



- (1) Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;
  - (2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp;
  - (3) Người đại diện theo pháp luật;
  - (4) Các hình thức kinh doanh;
  - (5) Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.
- (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh:

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục I của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

(2) Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

(3) Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

+ Đối với hộ kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục I của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**h) Phí, lệ phí:** Không có.**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*mẫu Phụ lục I của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);

+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi,

lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

\* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

**PHỤ LỤC I****MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH  
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****KDVT: .....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)****GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
  2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
  3. Địa chỉ trụ sở:.....
  4. Số điện thoại (Fax): .....
  5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: ..... do... cấp ngày.....tháng ..... năm .....; Mã số thuế: .....  
.....
  6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
  7. Người đại diện theo pháp luật:
  8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
  9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
- .....
  10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)  
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:  
- Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
  11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
- Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT***(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải

## 7. Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện. Mã số TTHC: 1.002856

### a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kể quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (*Phụ lục 7a ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).

- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (*Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

+ Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 1,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Việt – Lào.

**h) Phí, lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 7a ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (*mẫu Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

**PHỤ LỤC 7A**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX  
đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN**  
**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: .....

1. Tên doanh nghiệp, HTX: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... ngày cấp: .....

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo  
tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo  
hợp đồng:

d) Vận tải hàng

hóa:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**



Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại  
công văn số ..... ngày .....

....., ngày tháng năm

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

*(Ký tên, đóng dấu )*

**PHỤ LỤC 7B**

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX  
đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: ..... Số Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... ngày cấp ..... cơ quan cấp phép ..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, HTX)

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển HH hay HK)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:


b) Cá nhân:


c) Hoạt động kinh

d) Mục đích khác

doanh:

....., ngày tháng năm  
**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
hoặc cá nhân  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có) )

## **8. Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện. Mã số TTHC: 1.002852**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Khi Giấy phép liên vận Việt - Lào hết hạn hoặc bị hư hỏng, bị mất, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào (trường hợp bị mất giấy phép phải nêu rõ lý do). Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp phép cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào, theo cách thức sau:

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kê quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (*Phụ lục 7a của Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên

và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).

- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (Phụ lục 7b của Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT; đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do)

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

+ Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

+ Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 1,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Việt - Lào.

**h) Phí, lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 7a của Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải*);

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (*mẫu Phụ lục 7b của Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm*

---

**PHỤ LỤC 7A**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX  
đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN**  
**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: .....

1. Tên doanh nghiệp, HTX: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... ngày cấp: .....

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo  
tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo  
hợp đồng:

d) Vận tải hàng

hóa:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại  
công văn số ..... ngày .....

....., ngày      tháng      năm

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

*(Ký tên, đóng dấu )*

**PHỤ LỤC 7B**

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên doanh nghiệp/HTX  
đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: ..... Số Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... ngày cấp ..... cơ quan cấp phép ..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, HTX)

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển HH hay HK)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:


b) Cá nhân:


c) Hoạt động kinh

d) Mục đích khác

doanh:

....., ngày tháng năm  
**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
hoặc cá nhân  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có) )



## **9. Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Mã số TTHC: 1.002063**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép liên vận Lào - Việt (bản chính);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu (*Phụ lục 8 của Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Việt – Lào được gia hạn.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị gia hạn (*mẫu Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

**PHỤ LỤC 8****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO XE CỦA  
LÀO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm  
2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị/cá nhân đề  
nghị gia hạn Giấy phép liên  
vận của Lào  
Company/Individual  
name applying for extension  
of Laos - Viet Nam Cross-  
border Transport Permit

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Independence - Freedom - Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT**  
**APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM**  
**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*  
.....

2. Địa chỉ: *(Address)* .....

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ..... Số Fax: *(Fax No.)*: .....

Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* .....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn Giấy phép  
liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial*  
*Transport Department of* ..... *to extend the validity of Laos - Viet*  
*Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: .....

- Giấy phép liên vận Lào - Việt số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: .....  
Có giá trị đến: .....

*Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.: ...Date of issue* .....  
*Issuing Authority...Date of expiry* .....

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....

*Date of entry into Viet Nam: ..... month ..... year* .....

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để  
khai):

*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn Giấy phép liên vận: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến  
ngày ... tháng ... năm ...

*Extension for: ... .. days, from date ... .. month .... year .... to date  
... .. month ... year .....*

+ Gia hạn chuyển đi: ..... ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm.....

*Extension for Journey: ... .. days, from date ... month ... year ... to date ... month... year...*

5. Lý do đề nghị gia hạn (*The reasons for extension*): ..... ..

6. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam*).

....., ngày (*date*) ..... tháng (*month*) ..... năm (*year*) ...

Đại diện đơn vị (*Representative of the Company*)

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

## **10. Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. Mã số TTHC: 1.001023**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, đối với các loại phương tiện (xe):

+ Phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trừ các loại phương tiện sau:

Xe công vụ thuộc quyền sử dụng của các cơ quan, tổ chức gồm:

. Xe của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ; thuộc các cơ quan thuộc Chính phủ;

. Xe của các cơ quan ngoại giao, các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Hà Nội;

. Xe của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương.

+ Phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn hoặc bằng văn bản đề tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu (Phụ lục 7b của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (trừ xe do người ngoại quốc tự lái).

\* Khi Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia hết hạn hoặc hư hỏng, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo trình tự và thành phần hồ sơ như trên. Trường hợp giấy phép bị mất, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo trình tự và thành phần hồ sơ như trên (phải có văn bản nêu rõ lý do trường hợp giấy phép bị mất).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia (*mẫu Phụ lục 7b của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;

- Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số Điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 7b.****Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho  
phương tiện phi thương mại***(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm  
2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*Tên đơn vị/cá nhân  
đề nghị cấp giấy phép**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax:.....

4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa  
phương) cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải  
sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày tháng năm

**Đại diện đơn vị hoặc cá  
nhân***(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*



## **11. Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia –Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam. Mã số TTHC: 1.001577**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (nếu nộp trực tuyến thì Giấy phép liên vận Campuchia –Việt Nam gửi qua dịch vụ bưu chính công ích) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp (nếu nộp trực tuyến thì Giấy phép liên vận Campuchia –Việt Nam gửi qua dịch vụ bưu chính công ích) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam (bản chính);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu (Phụ lục 8 của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận được gia hạn.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận cho xe của Campuchia (*mẫu Phụ lục 8 của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Campuchia hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp) sẽ được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;

- Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số Điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 8.**

**Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận cho xe của Campuchia**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia  
 hạn Giấy phép liên vận của  
 Campuchia Company/Individual  
 name applying for extension of  
 Cambodia - Viet Nam Cross-  
 border Transport Permit

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Independence - Freedom - Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - VIỆT NAM**  
**APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM**  
**CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To): .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)* .....

2. Địa  
 chỉ: *(Address)* .....

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ..... Số  
 Fax: *(Fax No.)*: .....

Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* .....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn Giấy phép liên vận  
 Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial*  
*Transport Department of ..... to extend the validity of Cambodia - Viet Nam*  
*Cross-Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: .....

- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam số: .... Ngày cấp ... Nơi  
 cấp: .....

Có giá trị đến: .....

*Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.: .... Date of*  
*issue ..... Issuing Authority... Date of expiry .....*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....  
*Date of entry into Viet Nam: ..... month ..... year .....*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn Giấy phép liên vận: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ...  
 tháng ... năm ...

*Extension for: .....days, from date ... month..... year ..... to date ..... month*  
*...year ....*

+ Gia hạn chuyển đi: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng  
 ... năm .....

*Extension for Journey: .. days, from date ... month ... year ... to date .....month...*  
*year...*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*: .....

.....

.....  
6. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Campuchia và Việt Nam. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol implementation of the Road Transport Agreement Cambodia and Viet Nam*).

....., ngày (*date*).... tháng (*month*) .... năm (*year*)....

Đại diện đơn vị (*Representative of the Company*)

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

## **12. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. Mã số TTHC: 1.000660**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị khai thác bến xe nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

+ Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của QCVN 45:2012/BGTVT.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Đơn vị khai thác bến xe khách nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu (Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT);

+ Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính);

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách (bản chính);

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng (bản chính);

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo mẫu (Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015);

+ Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra; (trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT phải tổ chức kiểm tra).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (mẫu Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (mẫu Phụ lục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi 1:2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;
- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 1**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách)

..... (2) .....

Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2): .....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....

3. Trụ sở: .....

4. Số điện thoại (Fax): .....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ... tháng ... năm .....

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách ..... (3) ..... Cụ thể như sau:

- Tên: (3) .....

- Địa chỉ: (4) .....

- Tổng diện tích đất: (5) .....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ....(1) ..... công bố Bến xe khách ..... (3) ..... đạt quy chuẩn Bến xe loại: ..... (6) ..... và được đưa vào khai thác ..... (2) .... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố



**Phụ lục 2**

.....(2).....

-----

Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN  
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2): .....

2. Trụ sở: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách .....(3)..... như sau:

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí phân loại</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....</b>	<b>Theo thực tế</b>
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m <sup>2</sup>		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			

13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

### **13. Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác. Mã số TTHC: 1.000672**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh, khai thác bến xe khách nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

+ Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của QCVN 45:2012/BGTVT.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu (Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT).

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước, bản chính).

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước, bản chính).

+ Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước, bản chính).

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách theo mẫu (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; mẫu Phụ lục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi 1:2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra; (trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT phải tổ chức kiểm tra).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách (mẫu Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; mẫu Phụ lục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi 1:2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;
- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

---

**Phụ lục 2**

.....(2).....

-----

Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN  
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2): .....

2. Trụ sở: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách .....(3)..... như sau:

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí phân loại</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....</b>	<b>Theo thực tế</b>
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m <sup>2</sup>		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			

13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

**Phụ lục 4**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách)*

..... (2) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: ..... (2): .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp  
ngày ... tháng... năm .....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số... ngày... tháng...năm...của ...(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng... năm .....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị .... (1) ..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách .... (3).... đạt loại: ..... (4): ..... vào khai thác..(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:***(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách**(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách**(3) Ghi tên bến xe khách**(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố*



## **14. Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.**

**Mã số TTHC: 1.002877**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Thực hiện đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ đối tượng xe phi thương mại thuộc các đối tượng là xe ô tô thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; Sở GTVT Bình Phước được cấp phép cho xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp lập hồ sơ trên dịch vụ bưu chính công ích) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT cấp Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu (*Phụ lục 6 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; bản chính);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Đối với xe phi thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu (*Phụ lục 7 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh

ngành có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 6 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);
- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (*mẫu Phụ lục 7 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 6**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

đề nghị cấp giấy phép

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV  
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯỜNG MẠI**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:.....số Fax: .....

4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khu ng	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng l

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến:.....đi.....và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:.....Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Sở Giao thông vận tải ..... chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....tháng.....năm.....

....., Ngày ..... tháng ..... năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 7**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên đơn vị/tổ chức  
đề nghị cấp giấy phép**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV  
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại:.....số Fax: .....
4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ:

☐

b) Cá nhân:

☐

c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX

☐

d) Mục đích khác

☐

....., ngày            tháng            năm

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu )

## **15. Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam. Mã số TTHC: 1.002869**

### **a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Khi Giấy phép hết thời hạn, bị hư hỏng hoặc bị mất, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Thực hiện đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ đối tượng xe phi thương mại thuộc các đối tượng là xe ô tô thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; Sở GTVT Bình Phước được cấp phép cho xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước.

Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về Sở Giao thông vận tải; trường hợp mất Giấy phép phải có công văn báo cáo và cam kết về việc mất Giấy phép.

**- Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp lập hồ sơ trên dịch vụ bưu chính công ích) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

**- Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT cấp Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

**- Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:
  - + Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu (*Phụ lục 6 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);
  - + Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
  - + Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
  - + Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; bản chính);
  - + Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).
- Đối với xe phi thương mại:
  - + Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu (*Phụ lục 7 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);
  - + Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
  - + Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 6 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (*mẫu Phụ lục 7 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**



**Phụ lục 6**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

đề nghị cấp giấy phép

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV  
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯỜNG MẠI**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:.....số Fax: .....

4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khu ng	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng l

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến:.....đi.....và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:.....Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Sở Giao thông vận tải ..... chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....tháng.....năm.....

....., Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 7**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên đơn vị/tổ chức  
đề nghị cấp giấy phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV  
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại:.....số Fax: .....
4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ:

☐

b) Cá nhân:

☐

c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX

☐

d) Mục đích khác

☐

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**16. Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia. Mã số TTHC: 1.002286**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào hoặc Campuchia: Lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (nếu nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến thì Giấy phép liên vận CLV gửi qua dịch vụ bưu chính công ích) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nơi phương tiện gặp sự cố);

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp (theo hình thức nộp hồ sơ) cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nêu rõ những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản gia hạn Giấy phép liên vận CLV và gửi cho tổ chức, cá nhân; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp (nếu nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến thì Giấy phép liên vận CLV gửi qua dịch vụ bưu chính công ích) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận CLV theo mẫu (*Phụ lục 8 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

+ Giấy phép liên vận CLV (bản chính);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận CLV (*mẫu Phụ lục 8 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày hết hạn.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2014.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 8**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp đề nghị gia  
hạn giấy phép liên vận của Lào,  
Campuchia

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

Company name applying for  
extension of Laos, Cambodia  
Cross-border Transport Permit

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
Independence - Freedom – Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV**  
**APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA – LAOS - VIET NAM**  
**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)* .....
2. Địa chỉ: *(Address)* .....
3. Số điện thoại: *(Tel No.)*..... Số Fax: *(Fax No.)*: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.)*: .....

Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* .....

5. Đề nghị Sở GTVT ..... gia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: .....
- Giấy phép liên vận CLV số:... Ngày cấp.....Nơi cấp: ..... Có giá trị đến:

...

*Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:.....(Date of issue).....(Issuing Authority)...Date of expiry.....*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....

*Date of entry into Viet Nam: ... .. month ... .. year .....*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed to extend duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn giấy phép liên vận:... ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

*Extension for: ...days, from date ... month .... year ...to date .....month ... year*

.....

+ Gia hạn chuyển đi:...ngày, từ ngày .. tháng ... năm .. đến ngày .. tháng .. năm

...

*Extension of Journey : ....days, from date ... month ... year ... to date .. ..month  
... year*

7. Lý do đề nghị gia hạn (*The reasons for extension*): .....

8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*): ..... ..

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Republic of Vietnam on Road of Transport*).

....., ngày (*Date*) ..... tháng (*month*)..... năm (*year*).....

**Đại diện đơn vị (Representative of the Company)**

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*

*(Driver, vehicle owner or authorized person).*

## **17. Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. Mã số TTHC: 1.002889**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Trước khi xây dựng: Đơn vị đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ gửi văn bản đề nghị chấp thuận vị trí xây dựng đến UBND tỉnh đối với các trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường địa phương (trừ các trạm dừng nghỉ được coi là một hạng mục công trình nằm trong dự án xây dựng đường cao tốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý);

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở GTVT ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4). Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
  - + Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu (Phụ lục 2 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT).
  - + Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.
  - + Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ.
  - + Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.
  - + Biên bản nghiệm thu xây dựng.
  - + Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ theo mẫu (Phụ lục 3 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT).
  - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ.
  - + Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (mẫu Phụ lục 2 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT);
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (mẫu Phụ lục 3 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**



Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

**Phụ lục 2**.....(2).....  
\_\_\_\_\_**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2): .....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):..... ..

3. Trụ sở:..... ..

4. Số điện thoại (Fax):..... ..

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ ..... (3) ..... thuộc tỉnh:...(4)..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3)..... ..

- Địa chỉ: (5)..... ..

- Tổng diện tích đất: (6) ..... ..

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ....(1)....công bố đưa Trạm dừng nghỉ....(3).... đạt loại: ..... (7): ..... và được đưa vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi tên tỉnh

(5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ

(6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ

(7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**Phụ lục 3**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....(2).....

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2): .....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ ..... (3) ..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Theo quy định kỹ thuật của TDN loại...(4)...	Theo thực tế
1	Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
2	Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
3	Đường xe ra, vào			
4	Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện			
5	Trạm cấp nhiên liệu			
6	Mặt sân khu vực bãi đỗ xe			
7	Khu vệ sinh	m <sup>2</sup>		
8	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	m <sup>2</sup>		
9	Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi)	m <sup>2</sup>		
10	Nơi cung cấp thông tin			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...

**Đại diện đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**18. Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. Mã số TTHC: 1.002883**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý);

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở GTVT ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4). Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
  - + Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu (Phụ lục 5 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT).
  - + Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
  - + Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
  - + Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
  - + Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
  - + Báo cáo kết quả hoạt động theo mẫu (Phụ lục 6 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT, bản chính).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (mẫu Phụ lục 5 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT);

- Báo cáo kết quả hoạt động (mẫu Phụ lục 6 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm*

---

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: ..... (2):.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số .....  
do ..... cấp ngày..... tháng ..... năm .....Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ:  
... (3) ..... theo Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác  
số.... ngày.... tháng...năm...của ....(1) thời gian được phép khai thác đến ngày...  
tháng.... năm.....Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy  
chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi  
đề nghị ..... (1) ..... tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ ..... (3).... đạt  
loại: ..... (4): .....vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:****Đại diện đơn vị**

- Như trên;

(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu.

**Hướng dẫn ghi:**(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ  
trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**Phụ lục 6**

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kính gửi: ..... (1) .....

..... (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3).... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của ..... (1) ..... thời gian được phép khai thác từ ngày ..... tháng..... năm ..... đến ngày... tháng.... năm ....

..... (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

**I. Kết quả kinh doanh khai thác.**

1. Tổng số phương tiện vào trạm: ..... (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: ..... (lượt xe)

- Xe Khách trên 30 ghế: ..... (lượt xe)

- Xe Khách dưới 30 ghế: ..... (lượt xe)

- Xe tải: ..... (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: ..... (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: .... lượt xe và ..... lượt khách vào trạm.

Trong đó có: ..... xe con; .....xe khách trên 30 ghế; ..... xe khách dưới 30 ghế và ..... xe tải.

**II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:**

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

**III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:****IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):**

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

**V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):**

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)



**VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:**

.....

.....

.....

**Ý kiến của Sở GTVT địa phương**

(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện đơn vị khai thác trạm**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ
- (3) Ghi tên trạm dừng nghỉ
- (4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

## **19. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. Mã số TTHC: 1.002268**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) ngay trong ngày làm việc để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp lập hồ sơ trên dịch vụ bưu chính công ích) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận doanh nghiệp, hợp tác xã vào khai thác và xác nhận vào hợp đồng đối tác; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở GTVT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu (*Phụ lục IX của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013*);

- Giấy đăng ký phương tiện hoạt động trên tuyến (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu (*Phụ lục X của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013*);

- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu)

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 2,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (*mẫu Phụ lục IX của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (*mẫu Phụ lục X của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---

**PHỤ LỤC IX**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận  
tải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ  
ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... số Fax: .....

4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: .....

Bến đi:.....Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển:..... km

Hành trình chạy xe:.....

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)



- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lướt về từ Bến xe .....đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ .....đến..... phút/điểm.

#### 4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

#### 5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-.....

-.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-.....

#### 6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

#### 7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: .....đồng/HK.

- Giá vé chặng (nếu có): .....đồng/HK.

Giá vé	đồng/HK
--------	---------

Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/HK
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/HK

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:.....(ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: ..... (địa chỉ trang Web).

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## **20. Cấp mới Giấy phép lái xe. Mã số TTHC: 1.002835**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1:**

+ Cá nhân học lái xe lần đầu, học lái xe nâng hạng nộp hồ sơ dự học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe tại cơ sở được phép đào tạo lái xe.

+ Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình quy định; sau đó nộp hồ sơ và báo cáo danh sách đề nghị sát hạch hoặc nộp hồ sơ trực tiếp qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung đến cơ sở đào tạo bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, báo cáo sát hạch, tổ chức sát hạch lái xe và cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

#### **\* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:**

- Hồ sơ do người học lái xe nộp:

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại phụ lục 7 kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;



+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

**\* Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:**

- Hồ sơ do người học nâng hạng giấy phép lái xe nộp:

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định tại phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch).

- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học nâng hạng giấy phép lái xe;

+ Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

(Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:**

- Lệ phí : 135.000 đ/lần.
- Phí sát hạch lái xe:
  - + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.
  - + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (*Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).
- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn (*Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được pháp cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.
- Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.
- Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:
  - + Hạng B1 số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;
  - + Hạng B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;
  - + Hạng B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D, E lên FC: thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;
  - + Hạng B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Trường hợp người học nâng hạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, thời gian lái xe an toàn được tính từ ngày chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 7****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT  
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh màu 3  
cm x 4 cm  
chụp không  
quá 06 tháng

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH  
ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi:.....

Tôi là:.....Quốc tịch.....

Sinh ngày: ..... /..... / ..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):.....Cấp ngày: ..... /..... / ....., Nơi cấp: .....

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....

do:..... cấp ngày: ..... /..... / .....

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .....

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);
- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Phụ lục 8****MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE  
AN TOÀN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT  
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI**  
**THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

Tôi là: .....

Sinh ngày: ..... / ..... / ..... Nam, Nữ: .....

Nơi cư trú: .....

.....

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số: .....

Cấp ngày: ..... / ..... / ....., nơi cấp: .....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: ....., hạng .....

do: ..... cấp ngày: ..... / ..... / .....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ..... năm lái xe và  
có.....km lái xe an toàn.

Đề nghị ..... cho tôi được dự sát hạch  
nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng .....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**NGƯỜI KHAI**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

## **21. Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp. Mã số TTHC: 1.002809**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến (<https://dichvucong.gplx.gov.vn/>).

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau:

. Người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

. Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn.

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/lần đổi.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép lái xe phải có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT  
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại: .....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: ..... số:..... do: ..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:...

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*



## **22. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp. Mã số TTHC: 1.002801**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995.

+ Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh;

+ Hồ sơ gốc (nếu có);

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

\* Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995.

+ Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí :** 135.000đồng/lần đổi.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :**

Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995 còn thời hạn sử dụng.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

---

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT  
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại: .....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: ..... số:..... do: ..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:...

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

### **23. Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp. Mã số TTHC: 1.002804**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/lần đổi.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi đến đổi phải có Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT  
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại: .....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: ..... số:..... do:  
..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:...

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

## **24. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Mã số TTHC: 1.002796**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 đối với người Việt Nam, Phụ lục 20 đối với người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 đối với người Việt Nam, Phụ lục 20 đối với người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân



dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ,

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/lần đổi

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 đối với người Việt Nam, Phụ lục 20 đối với người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng;

- Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT  
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:.....cấp

ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**Phụ lục 20****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT**ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ****APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE****(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Quốc tịch (Nationality):.....

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....

Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....

Số hộ chiếu (Passport No.):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):..... Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year)..... Lý do xin

đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):  
.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)***(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)*

**25. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam. Mã số TTHC: 1.002793**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ :

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

+ Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

(Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/ lần đổi

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

**Phụ lục 20****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT**ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ****APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE****(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Quốc tịch (Nationality):.....

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....

Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....

Số hộ chiếu (Passport No.):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):..... Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year)..... Lý do xin

đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):  
.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)***(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)*

## 26. Cấp lại giấy phép lái xe. Mã số TTHC: 1.002820

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

\* Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

\* Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);



- + Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);
- + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;
- + Bản sao giấy chứng minh, nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định, cư ở nước ngoài).
- \* Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ:
  - + Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);
  - + Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
  - + Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;
  - + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;
  - + Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- 04 ngày làm việc (chưa tính thời gian tạm giữ hồ sơ 02 tháng đối với trường hợp bị mất cấp lại giấy phép lái xe) kể từ ngày có kết quả xác minh giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý;
- 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch (đối với trường hợp sát hạch lại để cấp giấy phép lái xe).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Phí, Lệ phí :**

- Lệ phí: 135.000đ/lần.

- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): Sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; Sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; Sát hạch thực hành trong hình: 300.000đ/lần; Sát hạch thực hành xe trên đường giao thông công cộng: 60.000đ/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe ; Từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT  
ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại: .....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: ..... số:..... do: ..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:...

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

## 27. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô. Mã số TTHC: 1.001777

### a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**h) Lệ phí :** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :**

- Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện về giáo viên dạy lái xe ô tô theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018).

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC X****MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

(Ban hành Kèm theo Nghị định số: [65/2016/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng  
chính phủ)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CƠ SỞ ĐÀO TẠO****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng  
ban: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: .....

3. Quyết định thành lập số ..... ngày ...../ ...../ ..... của .....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

**II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm ..... loại xe (xe con, xe tải ..... tấn, xe khách, xe  
kéo rơ moóc...) theo văn bản số ..... ngày ...../ ...../ ..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được ..... học sinh, lái xe loại .....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại ....., thời gian đào tạo ..... tháng (đối với  
từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m<sup>2</sup>), đủ hay  
thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô  
hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với  
quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài  
ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết: .....

- Số lượng giáo viên dạy thực hành: .....

## DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

### DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: ..... m<sup>2</sup>.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
(Ký tên, đóng dấu)

## **28. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo. Mã số TTHC: 1.001648**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để cơ sở đào tạo bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất)

+ Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);



+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 6,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**h) Lệ phí:** không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :**

- Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện về giáo viên dạy lái xe ô tô theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018).

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

**PHỤ LỤC X****MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

(Ban hành Kèm theo Nghị định số: [65/2016/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng  
chính phủ)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CƠ SỞ ĐÀO TẠO****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng  
ban: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: .....

3. Quyết định thành lập số ..... ngày ...../ ...../ ..... của .....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

**II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm ..... loại xe (xe con, xe tải ..... tấn, xe khách, xe  
kéo rơ moóc...) theo văn bản số ..... ngày ...../ ...../ ..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được ..... học sinh, lái xe loại .....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại ....., thời gian đào tạo ..... tháng (đối với  
từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m<sup>2</sup>), đủ hay  
thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô  
hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với  
quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài  
ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết: .....

- Số giáo lượng viên dạy thực hành: .....

## DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

### DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: ..... m<sup>2</sup>.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**29. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác. Mã số TTHC: 1.005210**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi thực hiện qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để cơ sở đào tạo bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**h) Lệ phí:** không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

---

### **30. Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Mã số TTHC: 1.001765**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*);

+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Số lượng hồ sơ : 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**h) Học phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

- Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;

- Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên kể từ ngày trúng tuyển;

- Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---

**PHỤ LỤC IV**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

*(Ban hành Kèm theo Nghị định số: [138/2018/NĐ-CP](#) ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là: .....Quốc tịch:.....

Sinh ngày: ..... tháng ..... năm ..... Nam, Nữ .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Có giấy chứng minh nhân dân số: ....., cấp ngày ..... tháng..... năm .....

Nơi cấp: .....

Có giấy phép lái xe số: ....., hạng ..... do: .....

cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng .....

*Gửi kèm theo:*

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;
- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng..... năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*



**31. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe). Mã số TTHC: 1.004993**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*);

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Số lượng hồ sơ : 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**h) Học phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

---

**PHỤ LỤC IV**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

*(Ban hành Kèm theo Nghị định số: [138/2018/NĐ-CP](#) ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là: .....Quốc tịch:.....

Sinh ngày: ..... tháng ..... năm ..... Nam, Nữ .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Có giấy chứng minh nhân dân số: ....., cấp ngày ..... tháng..... năm .....

Nơi cấp: .....

Có giấy phép lái xe số: ....., hạng ..... do: .....

cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng .....

*Gửi kèm theo:*

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;

- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng..... năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

### **32. Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Mã số TTHC: 1.004995**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời gian không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

---

### **33. Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Mã số TTHC: 1.004987**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho trung tâm sát hạch lái xe; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để tổ trung tâm sát hạch lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định.

+ Đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe thì trong thời gian không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận thì trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Trung tâm sát hạch lái xe nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:

Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

\* Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận:

Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe);

- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trung tâm sát hạch lái xe.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

---

### **34. Cấp giấy phép xe tập lái. Mã số TTHC: 1.001735**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo lái xe; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để cơ sở đào tạo lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo lái xe nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.



**d) Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tập lái.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Điều kiện xe tập lái:

- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---

**PHỤ LỤC VIII**

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI**  
*(Ban hành Kèm theo Nghị định số: [65/2016/NĐ-CP](#) ngày 01/ 7/2016 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) ..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

### 35. Cấp lại giấy phép xe tập lái. Mã số TTHC: 1.001751

#### a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo lái xe; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp lập hồ sơ trên đường bưu điện) để cơ sở đào tạo lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo lái xe nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tập lái.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Điều kiện xe tập lái:

- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

---

**PHỤ LỤC VIII**

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI**  
*(Ban hành Kèm theo Nghị định số: [65/2016/NĐ-CP](#) ngày 01/ 7/2016 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) ..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVM		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

### **36. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Mã số TTHC: 1.001001**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính) ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp lập hồ sơ trên hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế bản chính (*Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT*);

+ 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có thành phần theo quy định của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT;

+ Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế);

+ Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

**h) Lệ phí:** 300.000 đồng/01 phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :** không

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT ngày 15/09/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải v/v quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định vé giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

**Phục lục III**

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO  
( ban hành kèm theo thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải)

**(CƠ SỞ THIẾT KẾ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày tháng năm

V/v: thẩm định thiết kế

**Kính gửi:** Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

(Cơ sở thiết kế) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ./... của (cơ quan cấp); đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

- **Tên thiết kế** :.....(tên thiết kế).....

- **Ký hiệu thiết kế** :.....(ký hiệu thiết kế).....

**1. Đặc điểm xe cơ giới:**

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):

- Số khung:

- Số động cơ:

- Nhân hiệu - số loại:

**2. Nội dung cải tạo chính:**

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)

**3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:**

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Ô tô trước cải tạo	Ô tô sau cải tạo
3	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kG		
6	Số người cho phép chở	người		
7	Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT	kG		
8	Khối lượng toàn bộ CPTGGT	kG		
...	Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo			

(Cơ sở thiết kế) xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

**Cơ sở thiết kế**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



### **37. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu. Mã số TTHC: 1.002030**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng

nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:

\* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

\* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

\* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

\* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**h) Lệ phí:**

- Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú tại địa phương;

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Mẫu số 2 phục lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu:      2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):      7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): .....      13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn:.....      15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất:.....      17. Số khung:.....
18. Số động cơ:.....      19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét  
cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:***(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)**\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu      ☐**- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp .....***Cán bộ làm thủ tục**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc**  
*(Ký tên, đóng dấu)**\*Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**38. Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố. Mã số TTHC: 2.000881**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra: trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo tên của chủ sở hữu mới, giữ nguyên biển số cũ đã cấp, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu cũ, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**c1) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

**c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời hạn giải quyết:** 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.



**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

**h) Lệ phí :**

- Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú tại địa phương;

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

---

**Mẫu số 2 phục lục 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu:    2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):    7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): .....    13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn:.....    15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất:.....    17. Số khung:.....
18. Số động cơ:.....    19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:***(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)**\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu      ☐**- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp .....***Cán bộ làm thủ tục**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc**  
*(Ký tên, đóng dấu)**\*Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

### **39. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất. Mã số TTHC: 2.000847**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải trong thời hạn 15 ngày. Hết thời gian đăng tải nếu không nhận được ý kiến phản hồi liên quan đến tranh chấp xe máy chuyên dùng đề nghị cấp lại đăng ký, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu số 17 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT đối với trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

**h) Lệ phí:**

- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biên số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;
- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biên số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;
- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu số 17 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---

**Mẫu số 8 phục lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....  
 3. Ngày cấp: .....  
 4. Nơi cấp: .....  
 5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....  
 6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....  
 8. Ngày cấp: .....  
 9. Nơi cấp: .....

10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....  
 11. Loại xe máy chuyên dùng: .....  
 12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 13. Công suất: .....(kW).....  
 14. Màu sơn: ..... 15. Năm sản xuất: .....  
 16. Nước sản xuất: ..... 17. Số khung: .....  
 18. Số động cơ: ..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....  
 20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....

Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là .....

Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: ..... Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

\* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Cán bộ làm thủ tục**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

**Mẫu số 17 phục lục 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu: .....Số CMND (Căn cước hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú: .....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng: ..... Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... Công suất.....

Nước sản xuất: ..... Năm sản xuất.....

Số động cơ: ..... Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....

Sau 07 ngày kể từ khi đăng tải thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

**Chủ phương tiện**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

ngày.....tháng.....năm.....

**Thủ trưởng đơn vị thông báo**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*\* Ghi chú:*

*Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.*

**40. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mã số TTHC: 1.002007**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng thu lại biển số, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, vào Sổ quản lý và trả hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 9 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;



+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 9 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người

được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Mẫu số 9 phục lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI****DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....  
 3. Ngày cấp: .....  
 4. Nơi cấp: .....  
 5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....  
 6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....  
 8. Ngày cấp: .....  
 9. Nơi cấp: .....  
 10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....  
 11. Loại xe máy chuyên dùng: .....  
 12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 13. Công suất: .....(kW).....  
 14. Màu sơn: ..... 15. Năm sản xuất: .....  
 16. Nước sản xuất: ..... 17. Số khung: .....  
 18. Số động cơ: .....; 19. Trọng lượng: .....(kg).....  
 20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....; Biên số đăng ký: .....  
 Ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....  
 Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận  
 tải ..... để được tiếp tục đăng ký.  
 ....., ngày ..... tháng ..... năm .....
- Chủ phương tiện**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biên đăng ký: .....  
 đến Sở Giao thông vận tải: .....  
 ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;

- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

**41. Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến. Mã số TTHC: 1.001994**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải,

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**h) Lệ phí :**

- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

**Mẫu số 2 phục lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu:    2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):    7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): .....    13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn:.....    15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất:.....    17. Số khung:.....
18. Số động cơ:.....    19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét  
cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:***(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)**\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu      ☐**- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp .....***Cán bộ làm thủ tục**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc**  
*(Ký tên, đóng dấu)**\*Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**42. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.  
Mã số TTHC: 1.001826**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng và trả lại hồ sơ đăng ký cho chủ sở hữu.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**



- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng.

**h) Lệ phí :** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Mẫu số 1 phức lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của  
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI****THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY  
CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
  3. Ngày cấp: .....
  4. Nơi cấp: .....
  5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
  6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
  8. Ngày cấp: .....
  9. Nơi cấp: .....
  10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
  11. Loại xe máy chuyên dùng: .....
  20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là .....
- Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: .....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị.....thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số: .....Ngày cấp.....Số đăng ký quản lý.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày ...../...../.....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;

- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.

**43. Cấp Giấy chứng, nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn. Mã số TTHC: 2.000872**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**c1) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu 3 của phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng

nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:

\* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

\* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

\* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

\* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng và biển số.

**h) Lệ phí:** Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 3 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Mẫu số 3 phức lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....;
4. Nơi cấp: .....
5. Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam: từ ngày...../...../..... đến ngày ...../...../.....
6. Trụ sở giao dịch.....
7. Loại xe máy chuyên dùng:.....
8. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 9. Công suất: .....(kW)
10. Màu sơn: ..... 11. Năm sản xuất:.....
12. Nước sản xuất: ..... 13. Số khung:.....
14. Số động cơ:..... 15. Trọng lượng: .....(kg)...
16. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....
17. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải.....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Biển số đề nghị cấp: .....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến: .....

**Cán bộ làm thủ tục**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

\*Ghi chú:

- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

#### **44. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng. Mã số TTHC: 1.001919**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu số 4 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;



+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:

\* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

\* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

\* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

\* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời.

**h) Lệ phí:**

- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu số 4 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

**Mẫu số 4 phục lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của  
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI****CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....  
3. Ngày cấp: .....  
4. Nơi cấp: .....  
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....  
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....  
8. Ngày cấp: .....  
9. Nơi cấp: .....  
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....  
12. Trụ sở giao dịch .....  
13. Loại xe máy chuyên dùng: .....  
14. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 15. Công suất: .....(kW).....  
16. Màu sơn: ..... 17. Năm sản xuất: .....  
18. Nước sản xuất: ..... 19. Số khung: .....  
20. Số động cơ: ..... 21. Trọng lượng: .....(kg).....  
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....  
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....  
23. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... xem xét cấp Giấy chứng nhận  
đăng ký tạm thời cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số đăng ký tạm thời: ..... cấp ngày.....tháng..... năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến.....

**Cán bộ làm thủ tục**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;

- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.

**45. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.  
Mã số TTHC: 1.001896**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký bị hỏng. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu, thu và cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp; trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp đổi biển số theo đúng số đã cấp cho chủ sở hữu, thu lại biển số hỏng.

+ Trường hợp đăng ký xe máy chuyên dùng cải tạo: Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn. Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;

- Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo;

- Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký bị hỏng: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Trường hợp biển số bị hỏng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

**h) Lệ phí:**

- Đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;
- Đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng cải tạo, thay đổi màu sơn; thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Mẫu số 8 phục lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của  
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI****ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ****XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
8. Ngày cấp: .....
9. Nơi cấp: .....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
11. Loại xe máy chuyên dùng: .....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn: ..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất: ..... 17. Số khung: .....
18. Số động cơ: ..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....

Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là .....

Do Sở Giao thông vận tải ..... cấp  
ngày.....tháng.....năm.....

Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: .....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe  
máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sổ Giao thông vận tải:***(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)**\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Cán bộ làm thủ tục***(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)**\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*



**46. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã số hồ sơ: 2.001921**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công

trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (bao gồm QL.13 và QL.14C) và đường tỉnh đang khai thác (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.**

---

**PHỤ LỤC 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải)*

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày .... tháng .... năm 202....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ..... (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (...5.....)

( ...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công

trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

(...2....)

- Như trên;

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

.....;

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Lưu VT

### ***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**47. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã hồ sơ: 2.001963**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu (*Phụ lục 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT*)

+ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông

tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu (*Phụ lục 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC 1A****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày .... tháng .... năm 202....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
**Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: .....(...4...)

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

(...2...) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp



luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

-Như trên;

.....;

- Lưu VT

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công;

(5) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép thi công.

(6) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(7) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(8) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(9) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân cần căn cứ từng công trình cụ thể để điền đầy đủ các thông tin cần thiết và gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan cho phù hợp./.*

**48. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã số hồ sơ: 2.001919**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết

cầu hạ tầng giao thông đường bộ. Hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị Cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (bao gồm QL.13 và QL.14C) và đường tỉnh đang khai thác (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về

quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Số: ...../....., ngày .... tháng .... năm 202....  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
**Cấp phép thi công (...3...)**  
 Kính gửi: ..... (...4...)

- - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Căn cứ (...5...);

(...2...) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .... tháng .... năm .....

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:** ..... (...2....)

-Như trên;

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

.....;

(Ký, ghi rõ họ tên và

đóng dấu)

- Lưu VT

### ***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công: Sở Giao thông vận tải;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

### **Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**49. Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã số hồ sơ: 2.001915**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của Sở GTVT.

**d) Thời hạn giải quyết:** trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (bao gồm QL.13 và QL.14C) và đường tỉnh đang khai thác (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---



**PHỤ LỤC 2**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (.....5.....)

(.....2.....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (.....6.....)

(....2....) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:** (....2....)

-Như trên;

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

.....;  
đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên và

- Lưu VT

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Đồng Phú”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (....2....) thấy cần thiết./.

**50. Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã số hồ sơ: 1.001075**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình

đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin thỏa thuận xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.**

---

**PHỤ LỤC 1**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ  
Giao thông Vận tải)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày .... tháng .... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG  
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ..... (4)

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (...5.....)

( ...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công

trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....;

đóng dấu)

- Lưu VT

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và

### **Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, đường tỉnh, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, đường tỉnh các vị trí cắt ngang qua quốc lộ, đường tỉnh (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**51. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã số hồ sơ: 1.001035**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.**

---



**PHỤ LỤC 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày .... tháng .... năm 202....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH****Cấp phép thi công (....3....)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Căn cứ (...5....);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .... tháng .... năm .....

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5....) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8....) (bản chính).

+ (...9....).

(...2....) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2....) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2....) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không

thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

-Như trên;

.....;

- Lưu VT

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công: Sở Giao thông vận tải;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**52. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã số hồ sơ: 1.001046**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

+ Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

**PHỤ LỤC 3****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO,  
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày .... tháng .... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO  
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ, ĐƯỜNG TỈNH**

Chấp thuận xây dựng (....3....)

Kính gửi: .....(4)

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (.....5.....)

- (.....2.....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (.....6.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);

+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao đầu nối vào Quốc lộ;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ/đường tỉnh .... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng

thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

-Như trên;

(2)

.....;

- Lưu VT

## **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

### ***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL.13/ĐT.741..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ/đường tỉnh, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

**53. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã số hồ sơ: 1.001061**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải xử lý và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin Cấp phép thi công nút giao đầu nối (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**



**PHỤ LỤC 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày .... tháng .... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH****Cấp phép thi công (....3....)**

Kính gửi: (...4...)

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Căn cứ (....5....);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .... tháng .... năm .....

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....;
- Lưu VT

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị**

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**54. Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã số TTHC: 1.000583**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo;

- Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh của Sở GTVT.

**d) Thời hạn giải quyết:** trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.**

**PHỤ LỤC 2****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Số: ...../....., ngày .... tháng .... năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (.....5.....)

(.....2.....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (.....6.....)

(.....2.....) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....;
- Lưu VT

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)****Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Đồng Phú”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2.....) thấy cần thiết./.

**55. Cấp phép thi công công trình quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã số hồ sơ: 1.001087**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---



**PHỤ LỤC 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH****Cấp phép thi công (....3....)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Căn cứ (....5....);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .... tháng .... năm .....

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5....) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8....) (bản chính).

+ (...9....).

(...2....) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu VT.

(...2...)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**56. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã số hồ sơ: 1.000314**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối tạm thời có thời hạn, trong đó nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nối, thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm thời (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*)

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

+ Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

+ Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đấu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đấu nối tạm thời, đề xuất phương án xử lý;

+ Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thỏa thuận/ Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối tạm thời có thời hạn, trong đó nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

**PHỤ LỤC 3**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO,  
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

\_\_\_\_\_ (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../..... ..... , ngày .... tháng .... năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO  
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ, ĐƯỜNG TỈNH**

Chấp thuận xây dựng (....3....)

Kính gửi: .....(4)

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (.....5.....)

- (.....2.....) đề nghị được chấp thuận đầu nối tạm thườn có thời hạn vào Quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác và phương án thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (.....6.....) với (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);

+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

Nơi nhận: (2)

- Như trên;

- .....

- Lưu VT.

## QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

### Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, đường tỉnh.

(7) Thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm thời./.

**57. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ. Mã số hồ sơ: 1.000028**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng (*Phụ lục 15, phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

+ Bản chụp giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký tạm thời (đối với phương tiện mới nhận) xe, đầu kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe);

+ Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ

hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao ( D x Rx C ) tính bằng mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển.

Người đến làm thủ tục xin cấp Giấy phép lưu hành phải mang theo các bản chính của các bản chụp nêu trên để đối chiếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm định cầu, đường nhằm xác định khả năng để quy định điều kiện đi hoặc gia cố cầu, đường thì thời gian xem xét cấp không quá 02 ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm định của tổ chức tư vấn đủ tư cách hành nghề hoặc sau khi đã hoàn thành việc gia cố cầu, đường bảo đảm cho xe đi an toàn.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** Không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Một trong hai mẫu đơn tùy theo loại xe, cụ thể như sau:

- Đơn đề nghị Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn, xe vận chuyển siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (*Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị Cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ (*Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Quyết định số 3929/QĐ-BGTVT ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc đính chính Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**



**Phụ lục 15**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG,  
 XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG,  
 SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: ..... (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành) .....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....

- Địa chỉ: .....Điện thoại:

.....

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

<b>1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:</b>		
Thông số kỹ thuật	Đầu kéo hoặc xe thân liền	Rơ moóc/ Sơ mi rơ moóc RM/SMRM
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Khối lượng bản thân (tấn)		
Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng cho phép kéo theo (tấn)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
<b>2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:</b>		
Loại hàng:		
Kích thước (D x R x C) m:	Tổng khối lượng (tấn):	
<b>3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng</b>		

<b>hóa lên xe</b>	
Kích thước (D x R x C) m:	Hàng vượt phía trước thùng xe: m
Hàng vượt hai bên thùng xe :m	Hàng vượt phía sau thùng xe: m
Tổng khối lượng: tấn (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng)	
<b>4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:</b>	
Trục đơn: tấn	
Cụm trục kép: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d=.....m	
Cụm trục ba: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d=.....m	

### 5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km.....):

.....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến .....

6. Cam kết của chủ phương tiện: về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

*Ghi chú: Giấy đề nghị cấp  
phép lưu hành xe phải kèm theo sơ  
đồ xe thể hiện rõ các kích thước:  
Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của  
xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa  
các trục xe, chiều dài đuôi xe.*

... , ngày ..... tháng ..... năm .....  
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị  
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

**Phụ lục 16**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH  
XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: ..... (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành) .....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....

- Địa ..... Điện thoại:

.....

- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích: .....

- Biển số đăng ký (nếu có): .....

- Trọng lượng bản thân xe: ..... (tấn)

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: ..... (m)

+ Chiều rộng: ..... (m)

+ Chiều cao: ..... (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng): .....

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: ... ..... (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ..... (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km):.....

.....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến .....

*(Giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe .... , ngày ... tháng ..... năm .....  
phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị  
kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều (Ký tên, đóng dấu)  
cao của xe)*

**58. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. Mã số hồ sơ số: 1.006930**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn thời gian trả kết quả;

**- Bước 2:**

+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở GTVT) không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, phòng chuyên môn thẩm định có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định) hoặc trả lại hồ sơ thẩm định cho tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận kết quả từ phòng chuyên môn của Sở Giao thông vận tải. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:****c.1 Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản pháp lý:
  - + Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;
  - + Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
  - + Quyết định lựa chọn phương án thiết kế thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
  - + Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
  - + Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư;
  - + Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - + Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
  - + Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
  - + Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
- Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:
  - + Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
  - + Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi;
  - + Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh;
- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
  - + Thông tin năng lực của nhà thầu tư vấn khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
  - + Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

**c.2 Số lượng hồ sơ:** 01 bộ, (Đối với các dự án mà Sở GTVT phải lấy ý kiến của các ngành khác có liên quan thì đề nghị chủ đầu tư cung cấp số lượng hồ sơ theo đúng số lượng đơn vị đề nghị lấy ý kiến).

**d) Thời hạn giải quyết:**

Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

- Đối với dự án nhóm B: Không quá **13** ngày làm việc.
- Đối với dự án nhóm C: Không quá **08** ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh.

**h) Lệ phí:** Lệ phí Thẩm định theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 1, Tờ trình Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. Mẫu số 02, Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư. Mẫu số 03, Báo cáo kết quả thẩm tra dự án (nếu có).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Quyết định 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định 30/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Biểu mẫu 01**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng)

**TÊN TỔ CHỨC**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH****Thẩm định dự án đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án: .....
2. Nhóm dự án: .....
3. Loại và cấp công trình: .....
4. Người quyết định đầu tư: .....
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...): .....
6. Địa điểm xây dựng: .....
7. Giá trị tổng mức đầu tư: .....
8. Nguồn vốn đầu tư: .....
9. Thời gian thực hiện: .....
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....
12. Các thông tin khác (nếu có): .....

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:
  - Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của Chủ đầu tư;
  - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
  - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
  - Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
  - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Văn bản thỏa thuận độ cao tỉnh không (nếu có);
  - Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
  - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):
- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
  - Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
  - Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

### 3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

#### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



**Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư***(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD**ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***CHỦ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v .....

**BÁO CÁO TỔNG HỢP****Về hồ sơ trình thẩm định**

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi Tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)..... có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: ..... có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế...(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): ..... có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu.

**CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Báo cáo kết quả thẩm tra dự án**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN VỊ THẨM TRA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***....., ngày ... tháng ... năm.....*

Số: .....

V/v báo cáo kết quả thẩm tra  
dự án.....

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ..... đề nghị thẩm tra dự án ....(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số..... ngày..... tháng..... năm..... được ký kết giữa .....(Tổ chức thẩm tra) và .....(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan  
.....;

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự án ....(Tên dự án) như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa Điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
9. Các thông tin khác (nếu có):

**II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN**

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình);
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế;
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu;

### **III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN**

1. Nội dung chủ yếu của dự án  
(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)
2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

### **IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.
3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

### **V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN**

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh Mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng

lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng Khoản Mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

- Dự án (Tên dự án) đủ Điều kiện (chưa đủ Điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

## **CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN**

- (Ký, ghi rõ họ tên)

*(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**59. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh. Mã số TTHC: 1.006938**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn thời gian trả kết quả;

**- Bước 2:**

+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở GTVT) không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày làm việc. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, phòng chuyên môn thẩm định có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định) hoặc trả lại hồ sơ thẩm định cho tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận kết quả từ phòng chuyên môn của Sở Giao thông vận tải. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**c.1 Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản pháp lý
- + Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (*Mẫu số 04-Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);
- + Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- + Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- + Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư;
- + Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có);
- + Và các văn bản khác có liên quan.
- Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
  - + Hồ sơ khảo sát xây dựng;
  - + Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
  - + Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
  - + Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
  - + Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

**c.2 Số lượng hồ sơ:** 01 bộ, (Đối với các dự án mà Sở GTVT phải lấy ý kiến của các ngành khác có liên quan thì đề nghị chủ đầu tư cung cấp số lượng hồ sơ theo đúng số lượng đơn vị đề nghị lấy ý kiến).

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo Kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.

**h) Lệ phí:** Lệ phí Thẩm định theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 1, Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh. Mẫu số 02, Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư. Mẫu số 03, Báo cáo kết quả thẩm tra dự án (nếu có). Mẫu số 04, Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Quyết định 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định 30/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---



(Ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015)

**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH****Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: .....

2. Loại, cấp, quy mô công trình:

.....

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):

.....

4. Địa điểm xây dựng: .....

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

.....

6. Nguồn vốn đầu tư: .....

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:

.....

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

.....

9. Các thông tin khác có liên quan:

.....

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có);

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Tên người đại diện**

**Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư***(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD**ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***CHỦ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v .....

**BÁO CÁO TỔNG HỢP****Về hồ sơ trình thẩm định**

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)..... có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: ..... có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế...(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): ..... có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu.

**CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Mẫu số 03****Báo cáo kết quả thẩm tra dự án***(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD**ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***ĐƠN VỊ THẨM TRA      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v báo cáo kết quả

thẩm tra dự

án.....

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ..... đề nghị thẩm tra dự án ....(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số..... ngày..... tháng..... năm..... được ký kết giữa .....(Tổ chức thẩm tra) và .....(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan .....

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự án ....(Tên dự án) như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa Điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
9. Các thông tin khác (nếu có):

**II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN**

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình):
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

### III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

#### 1. Nội dung chủ yếu của dự án

(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)

#### 2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

### IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.

3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

### V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh Mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng Khoản Mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

- Dự án (Tên dự án) đủ Điều kiện (chưa đủ Điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

## **CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN**

- (Ký, ghi rõ họ tên)

*(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

## **ĐƠN VỊ THẨM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 -----      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
 V/v báo cáo kết quả  
 thẩm tra thiết kế, dự toán  
 xây dựng công trình  
 ....., ngày ... tháng ... năm.....

**KẾT QUẢ THẨM TRA**  
**THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Công trình: .....**

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

**II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:



3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

### **III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

### **IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

### **V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ**

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, Mức DVC an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

## **VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN**

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	<b>Tổng cộng</b>			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

## **VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

## **CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN**

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

- .....

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

*(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**60. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh. Mã số hồ sơ: 1.006895**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn thời gian trả kết quả;

**- Bước 2:**

+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở GTVT) không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, phòng chuyên môn thẩm định có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định) hoặc trả lại hồ sơ thẩm định cho tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận kết quả từ phòng chuyên môn của Sở Giao thông vận tải. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:****c.1 Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản pháp lý:
  - + Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán (*Phụ lục 02-Biểu mẫu 06 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);
  - + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
  - + Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
  - + Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
  - + Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - + Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư;
  - + Các văn bản khác có liên quan.
- Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
  - + Hồ sơ khảo sát xây dựng;
  - + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
  - + Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
  - + Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
  - + Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
  - + Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

**c.2 Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (Đối với các dự án mà Sở GTVT phải lấy ý kiến của các ngành khác có liên quan thì đề nghị chủ đầu tư cung cấp số lượng hồ sơ theo đúng số lượng đơn vị đề nghị lấy ý kiến).

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Không quá **15** ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III;
- Không quá **10** ngày làm việc đối với các công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo Kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.

**h) Lệ phí:** Lệ phí Thẩm định theo quy định tại theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán công trình xây dựng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :** Mẫu số 1, Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình. Mẫu số 02, Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư. Mẫu số 03, Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng;

- Quyết định 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định 30/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

(ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng .... năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

## **I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: .....
2. Cấp công trình: .....
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt .....
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...): .....
5. Địa điểm xây dựng: .....
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: .....
7. Nguồn vốn đầu tư: .....
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .....
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
10. Các thông tin khác có liên quan: .....

## **II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
  - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
  - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
  - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
  - Các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
  - Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

### 3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

#### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Tên người đại diện**



**Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016  
của Bộ Xây dựng)

**CHỦ ĐẦU TƯ**

-----

Số: .....

V/v .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm.....

**BÁO CÁO TỔNG HỢP****Về hồ sơ trình thẩm định**

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)..... có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo

Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: ..... có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế....(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): ..... có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ..... ngày ..... đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN VỊ THẨM TRA      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v báo cáo kết quả  
thẩm tra thiết kế, dự toán  
xây dựng công trình

**KẾT QUẢ THẨM TRA  
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
**Công trình: .....**

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

**II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

### **III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

### **IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

### **V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ**

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, Mức DVC an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

## **VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN**

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	<b>Tổng cộng</b>			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

## **VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

## **CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN**

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

- .....

- (Ký, ghi rõ họ tên, chức chỉ hành nghề số....)

*(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

## II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

**61. Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa. Mã số TTHC:**  
1.003788

### a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa hoặc bến khách ngang sông trên công dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải xử lý như sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với bến thủy trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Chi Cục Đường thủy nội địa về vị trí và ảnh hưởng của bến đối với luồng và phạm vi bảo vệ các công trình khác ở khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Chi Cục Đường thủy nội địa có văn bản trả lời.

+ Đối với bến khách ngang sông, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến xây dựng bến. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- **Bước 4:** Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa theo Mẫu số 2 hoặc Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo Mẫu số 3 tại Phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT;

+ Bình đồ vị trí và sơ đồ mặt bằng công trình bến, vùng nước trước bến (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (*Mẫu số 2 tại Phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT*);

+ Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông (*Mẫu số 3 tại Phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*



**Mẫu số 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2)

.....

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ ..... đến km thứ .....

bờ (phải hay trái) ..... sông, (kênh) ..... thuộc xã (phường) ....., huyện (quận)..... tỉnh (thành phố): .....

Quy mô dự kiến xây dựng: .....

Bến được sử dụng vào mục đích: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng: .....

Phạm vi vùng nước sử dụng: .....

- Chiều dài: .....mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng.....mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn

**Ký và đóng dấu**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

2. Tên bến thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ: .....

Làm đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông:

Tên bến .....

Vị trí dự kiến mở bến: Từ km thứ ..... đến km thứ ..... Bên bờ (phải/trái) ..... của sông (kênh) .....,

Thuộc xã (phường) ..... huyện (quận).....

tỉnh (thành phố) .....

Quy mô dự kiến xây dựng: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng: .....

Phạm vi vùng nước sử dụng:.....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

**Ý kiến của UBND cấp xã**

Người làm đơn  
(Ký tên)

**Ghi chú:** - 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

- Nội dung UBND cấp xã nơi mở bến xác nhận người làm đơn hiện đang cư trú tại địa phương có đủ điều kiện đầu tư xây dựng bến và tổ chức quản lý khai thác hoạt động bến khách ngang sông theo quy định.

## **62. Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.003675**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Chủ bến thủy nội địa lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải xử lý như sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ bưu chính công ích hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Đối với bến khách ngang sông, trường hợp bến ở hai bên bờ đều do một chủ khai thác và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động của một cơ quan thì chủ khai thác bến khách ngang sông làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu, Cơ quan có thẩm quyền cấp một giấy phép hoạt động bến khách ngang sông cho cả hai đầu bến.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 6 hoặc Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 7 (Phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công (bản chính);

+ Biên bản nghiệm thu công trình (bản chính);

+ Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập (bản chính);

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

**h) Phí, lệ phí:** Lệ phí 100.000 đồng/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu (Mẫu số 6 tại phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu (Mẫu số 7 tại phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Mẫu số 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... Năm .....  
do cơ quan ..... cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa .....

Vị trí bến: từ km thứ ..... đến km thứ .....

bờ (phải hay trái) ..... sông (kênh) .....

thuộc xã (phường) ....., huyện (quận) ..... tỉnh (thành phố): .....

Kết cấu, quy mô của bến: .....

Phương án khai thác: .....

Bến được sử dụng để: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng .....

Phạm vi vùng nước sử dụng .....

- Chiều dài: .....mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng .....mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước .....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ..... đến ngày .....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

**(Ký tên)**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

**Mẫu số 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày .....

do cơ quan: ..... cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến .....

Vị trí bến: .....

- Từ km thứ ..... đến km thứ ..... Bên bờ (phải, trái) ..... của sông ....., thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố) .....

Vùng đất sử dụng: .....

Vùng nước xin phép sử dụng: .....

+ Chiều dài: .....m dọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng: .....m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động: .....

Đề nghị được hoạt động từ ngày ... tháng... năm .... đến ngày ... tháng .. năm ...

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn  
(Ký tên)

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

**63. Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.003658**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Chủ bến thủy nội địa lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bến thủy nội địa phải được cấp lại giấy phép hoạt động trong các trường hợp sau:

- + Giấy phép hoạt động hết hiệu lực;
- + Thay đổi chủ sở hữu;
- + Thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải xử lý như sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa gửi chủ bến, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Chủ bến thủy nội địa nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;



- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu (Mẫu số 11 tại Phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung của giấy phép đã được cấp, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng bến và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu bến hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có; bản chính);

- Trường hợp do thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị các giấy tờ pháp lý chứng minh các sự thay đổi nêu trên (bản chính);

- Đối với bến thủy nội địa do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực của bến, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 6 hoặc Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 7 (Phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công (bản chính);

+ Biên bản nghiệm thu công trình (bản chính);

+ Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập (bản chính);

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành (bản chính).

- Đối với bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 mà bị thất lạc hồ sơ thì chủ bến phải kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình bến, sơ đồ vùng nước, vùng đất của bến (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu (Mẫu số 11 tại phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu (Mẫu số 6 tại phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu (Mẫu số 7 tại phụ lục của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... Năm .....  
do cơ quan ..... cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa .....

Vị trí bến: từ km thứ ..... đến km thứ .....

bờ (phải hay trái) ..... sông (kênh) .....

thuộc xã (phường) ....., huyện (quận) ..... tỉnh (thành phố): .....

Kết cấu, quy mô của bến: .....

Phương án khai thác: .....

Bến được sử dụng để: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng .....

Phạm vi vùng nước sử dụng .....

- Chiều dài: .....mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng .....mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước .....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ..... đến ngày .....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

**(Ký tên)**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

**Mẫu số 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày .....

do cơ quan: ..... cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến .....

Vị trí bến: .....

- Từ km thứ ..... đến km thứ ..... Bên bờ (phải, trái) ..... của sông ....., thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố) .....

Vùng đất sử dụng: .....

Vùng nước xin phép sử dụng: .....

+ Chiều dài: .....m dọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng: .....m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động: .....

.....

Đề nghị được hoạt động từ ngày ... tháng... năm .... đến ngày ... tháng .. năm ...

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn  
(Ký tên)

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Làm đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa .....

Vị trí bến: từ km thứ ..... đến km thứ ..... trên

bờ (phải hay trái) ..... sông (kênh) ..... thuộc xã

(phường)....., huyện (quận) ..... tỉnh (thành phố): .....

Kết cấu, quy mô công trình bến: .....

Phương án khai thác .....

Bến được sử dụng để: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng: .....

Phạm vi vùng nước sử dụng: .....

- Chiều dài: ..... mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ..... mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước .....

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động: .....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ..... đến ngày .....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

**(Ký tên)**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

**64. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.004047**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 4 – phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm;

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí:** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**phụ lục I Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KÊ KHAI****ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu  
.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*



(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)*

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu  
.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản  
như sau:**

Tên phương tiện: ..... Chiều cao mạn: ..... m

Năm hoạt động: ..... Chiều chìm: .....m

Công dụng: ..... Mạn khô: .....m

Năm và nơi đóng: ..... Trọng tải toàn phần: .....tấn

Vật liệu vỏ: ..... Số người có thể chở: .....người

Chiều dài lớn nhất: .....(m) Sức kéo, đẩy .....tấn

Chiều rộng lớn nhất: ..... (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...): .....

..... (cá nhân hoặc tổ chức) .....

Địa chỉ: .....

Thời gian (mua, tặng, đóng) ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa ..... , ngày .... tháng .... năm...  
phương cấp phường, xã **CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(Nội dung: Xác nhận ông, bà ..... đăng ký hộ  
khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói  
trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú  
đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú  
tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**65. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.004002**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT* trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu ....

- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều ..... chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

*((\*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)*

**66. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003970**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:.**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu ....

- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều ..... chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

*((\*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)*

**67. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã số TTHC: 1.006391**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 8 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;



+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I****Mẫu số 8**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

**Kính gửi:** .....  
 - Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....  
 - Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....  
 - Điện thoại: ..... Email: .....  
 Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....  
 do ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....  
 có đặc điểm cơ bản như sau:  
 Ký hiệu thiết kế: ....., Cấp tàu: .....  
 Công dụng: ....., Vật liệu vỏ: .....  
 Năm và nơi đóng: .....  
 Chiều dài thiết kế: ..... m, Chiều dài lớn nhất: .....  
 m  
 Chiều rộng thiết kế: ..... m, Chiều rộng lớn nhất: ..... m  
 Chiều cao mạn: ..... m, Chiều chìm: .....m  
 Mạn khô: ..... m, Trọng tải toàn phần: ..... tấn  
 Số người được phép chở: ..... người, Sức kéo, đẩy: ..... tấn  
 Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....  
 Máy phụ (nếu có): .....  
 Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: .....  
 ...

*(nêu lý do thay đổi địa chỉ)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** <sup>(2)</sup>

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện t*

**68. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003930**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 9 - phức lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phức lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I****Mẫu số 9**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do: .....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**69. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 2.001659**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I****Mẫu số 10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị ..... xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** <sup>(2)</sup>

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*



## **A2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

---

**70. Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Mã số TTHC: 1.001261**

**a) Trình tự thực hiện:**

Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

Tổ chức, cá nhân đưa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là xe cơ giới) và các giấy tờ cần thiết đến bất kỳ đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là đơn vị đăng kiểm) nào trong cả nước đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

Tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nêu rõ lý do, địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới đề nghị kiểm định đến đơn vị đăng kiểm.

Giải quyết TTHC:

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

+ Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

+ Đơn vị đăng kiểm cấp Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới đạt tiêu chuẩn hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân các hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng của xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

+ Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, xem xét theo đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng và đủ điều kiện đường thử thì trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng kiểm có văn bản gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam đề nghị kiểm định ngoài Đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới, các loại thiết bị cần để kiểm tra; văn bản đề nghị có thể hoặc nộp hồ sơ trực tiếp qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Trường hợp không đủ điều kiện đường thử thì có văn bản thông báo cho chủ xe và nêu rõ lý do.

+ Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xem xét hồ sơ, trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có văn bản trả lời gửi đơn vị đăng kiểm.

+ Chủ xe đưa xe đến địa điểm kiểm tra, đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm định xe cơ giới theo hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện theo quy định như đối

với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm. Trường hợp không có kết quả kiểm tra bằng thiết bị thì để trống trên Phiếu kiểm định. Trường hợp đạt thì cấp Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Nộp hồ sơ trực tiếp tại các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.
- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: - Lập Hồ sơ phương tiện: Việc lập Hồ sơ phương tiện được thực hiện trước khi xe cơ giới kiểm định lần đầu để tham gia giao thông. Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để lập Hồ sơ phương tiện, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước; Bản sao có chứng thực quyết định tịch thu bán đấu giá của cấp có thẩm quyền đối với xe cơ giới bị tịch thu bán đấu giá; Bản sao có chứng thực quyết định thanh lý đối với xe cơ giới của lực lượng quốc phòng, công an; Bản sao có chứng thực quyết định bán xe dự trữ Quốc gia.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ lý do, địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới đề nghị kiểm định.

Khi đơn vị đăng kiểm đến địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm để kiểm định, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKY và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong ngày làm việc..

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới

**h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:**

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : không**

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

---

**71. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ. Mã số TTHC: 1.005005**

**a) Trình tự thực hiện:** Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ xe hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ kiểm tra lưu hành nộp đến Đơn vị đăng kiểm.

Giải quyết TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc. Nếu đầy đủ, hợp lệ thì hẹn ngày kiểm tra theo địa điểm chủ xe đăng ký.

- Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra: Xe kiểm tra đạt yêu cầu, Đơn vị đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu. Xe kiểm tra có kết quả không đạt, Đơn vị đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của Xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục và kiểm tra lại.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Đơn vị đăng kiểm

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: - Các giấy tờ phải nộp:

+ Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định đối với trường hợp không đưa được xe đến Đơn vị đăng kiểm;

+ Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước kiểm tra lưu hành lần đầu của các xe có đăng ký lần đầu sau ngày Thông tư này có hiệu lực).

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Bản chính Giấy đăng ký xe hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan địa phương có thẩm quyền về khu vực cho phép xe của tổ chức cá nhân hoạt động còn hiệu lực.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.**

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành.

**h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:**

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :** Văn bản đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ theo mẫu phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 86/2014/TT-BGTVT .

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Thỏa mãn yêu cầu quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong lưu hành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo Phụ lục VIII của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

**Phụ lục VII**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế)

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH  
XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

**Tên tổ chức, cá nhân**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... / .....

....., ngày tháng năm

Vv đề nghị kiểm tra cấp giấy  
chứng nhận lưu hành cho xe bốn bánh chở người

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm .....

Căn cứ Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ:.....

Hiện tại (tổ chức, cá nhân) ..... có số lượng Xe là:

**Danh sách Xe**

STT	Biển số	Số khung	Số máy (nếu có)	Ngày hết hạn
1	29HC-12345			
2				

Đề nghị Đơn vị đăng kiểm .....đến địa điểm: ..... từ ngày.../.../... đến ngày.../.../... để kiểm tra Xe cho (tổ chức, cá nhân) .....

Tổ chức, cá nhân

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

## **72. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Mã số TTHC: 1.005018**

### **a) Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (cơ quan nghiệm thu cải tạo).

Cơ quan nghiệm thu tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp lập hồ sơ trên hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan nghiệm thu tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả nghiệm thu.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan nghiệm thu; hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo mẫu;

- Thiết kế đã được thẩm định. Đối với trường hợp miễn thiết kế phải có bản vẽ tổng thể xe cơ giới sau cải tạo do cơ sở cải tạo lập (*Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thì công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện thì không phải nộp thành phần hồ sơ này*).

- Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo;

- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo;

- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới theo mẫu;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo;



- Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với cần cẩu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng và các thiết bị chuyên dùng theo quy định (*Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thì công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện thì không phải nộp thành phần hồ sơ này*).

- Văn bản của cơ quan thẩm định thiết kế về việc đồng ý cho sử dụng thiết kế đã được thẩm định để thi công cải tạo (*đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thì công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong phạm vi 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu đạt yêu cầu.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.**

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo; Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo là 06 tháng.

**h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:**

- Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong cải tạo tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới : Phụ lục VIII ban hành kèm theo thông tư 85/2014/TT-BGTVT

Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo : Phụ lục VII ban hành kèm theo thông tư 85/2014/TT-BGTVT

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục VII**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ)*

**Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo**  
**(CƠ SỞ CẢI TẠO) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

...., ngày tháng năm .

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**

*(Cơ sở cải tạo) đề nghị (cơ quan nghiệm thu ....) kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo như sau:*

1. Đặc điểm xe cơ giới cải tạo:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhãn hiệu - số loại:

2. Căn cứ thi công cải tạo: Thiết kế có ký hiệu ..... của (Cơ sở thiết kế) đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo số ..... ngày.../.../...

3. Nội dung thi công cải tạo:

*(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)*

*(Cơ sở cải tạo) xin chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thi công trên xe cơ giới cải tạo.*

**CƠ SỞ CẢI TẠO**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(CƠ SỞ CẢI TẠO) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

...., ngày tháng năm

- **Biên số đăng ký:**

Nhãn hiệu - số loại:

- Số khung:

Số động cơ:

- Ký hiệu thiết kế: .....

***Ghi chú:***

<sup>(1)</sup> Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe cơ giới đã qua sử dụng thì ghi rõ biển số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.

(2) Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ Cơ sở sản xuất.

<sup>(3)</sup> Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có Giấy chứng nhận.

### **73. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ. Mã số TTHC: 1.004325**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

Chủ xe hoặc người đưa xe đến kiểm tra lưu hành (sau đây gọi tắt là chủ xe) đưa Xe và hồ sơ này đến Đơn vị đăng kiểm tại địa phương mà xe được đăng ký và cấp biển số để kiểm tra lưu hành.

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại; nếu đầy đủ, hợp lệ thì thu phí, chụp ảnh phương tiện và tiến hành kiểm tra các hạng mục theo phương pháp kiểm tra được quy định.

- Đối với trường hợp kiểm tra lần đầu, Đơn vị đăng kiểm kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra lần đầu xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo quy định.

- Xe kiểm tra đạt tiêu chuẩn, Đơn vị đăng kiểm thu lệ phí, trả hóa đơn thu lệ phí và cấp Giấy chứng nhận lưu hành, Tem lưu hành theo quy định. Trường hợp xe có kết quả không đạt, Đơn vị đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục để kiểm tra lại, đồng thời thông báo xe không đạt lên mạng kiểm định.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại các Trung tâm Đăng kiểm .

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: - Hồ sơ xuất trình:

+ Bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính giấy đăng ký xe đó; Bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính giấy đăng ký xe đó;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực.

- Hồ sơ phải nộp:

+ Bản sao chụp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành lần đầu của các Xe có đăng ký lần đầu sau ngày thông tư này có hiệu lực);

+ Giấy chứng nhận lưu hành của lần kiểm tra trước (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành các lần tiếp theo).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Cấp ngay sau khi kiểm tra đạt yêu cầu

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.**

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành.

**h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:**

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : không;**

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**Đáp ứng quy định tại PHỤ LỤC IX : HẠNG MỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH** (*Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*)

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

---

## **74. Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng . Mã số TTHC: 1.009351**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Chủ xe hoàn thiện 01 bộ hồ sơ kiểm tra nộp cho các Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hoặc các Chi cục đăng kiểm có đủ điều kiện về trang bị, thiết bị và nhân lực thực hiện kiểm tra Xe theo quy định và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là Đơn vị kiểm tra).

- Đơn vị kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp lập hồ sơ trên hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác); Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì thông nhất thời gian và địa điểm kiểm tra (đối với Xe yêu cầu kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra).

- Đơn vị kiểm tra tiến hành kiểm tra: nếu kết quả không đạt thì thông báo ngay cho Chủ xe; Nếu kết quả đạt thì cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 ngày làm việc khi kiểm tra tại Đơn vị kiểm tra hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc khi kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra, kể từ ngày kết thúc kiểm tra

### **b) Cách thức thực hiện:**

Qua hệ thống bưu chính; hoặc trực tiếp tại các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới và các Chi cục đăng kiểm có đủ điều kiện về trang bị, thiết bị và nhân lực thực hiện kiểm tra xe theo quy định và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy đề nghị kiểm tra ATKT & BVMT Xe trong khai thác, sử dụng (sau đây viết tắt là Giấy đề nghị kiểm tra Xe) sử dụng khi yêu cầu kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra theo mẫu;

+ Một trong các tài liệu sau đây đối với Xe kiểm tra lần đầu: + Bản chính hoặc bản điện tử Chứng chỉ chất lượng; + Bản sao Phiếu xuất xưởng; + Bản sao tài liệu kỹ thuật có bản vẽ tổng thể và thông số kỹ thuật cơ bản của Xe hoặc bản đăng ký thông số kỹ thuật Xe do tổ chức, cá nhân lập đối với Xe được nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trước ngày 01 tháng 12 năm 2009 (ngày Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng có hiệu lực).

+ Bản chính Giấy chứng nhận cải tạo đối với Xe có cải tạo.

**- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời hạn giải quyết:** Nếu kết quả đạt thì cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 ngày làm việc khi kiểm tra tại Đơn vị kiểm tra hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc khi kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra, kể từ ngày kết thúc kiểm tra

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.**

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới và các Chi cục đăng kiểm có đủ điều kiện về trang bị, thiết bị và nhân lực thực hiện kiểm tra Xe theo quy định và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng, Tem kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng.

**h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:**

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Giấy đề nghị kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong khai thác sử dụng (sử dụng khi yêu cầu kiểm tra ngoài đơn vị kiểm tra) : theo mẫu phụ lục XIX ban hành kèm theo thông tư 89/2015/TT-BGTVT

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Thoả mãn yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo QCVN 12 : 2011/BGTVT

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**



- Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC XIX****MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE  
MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG***(Sử dụng khi đề nghị kiểm tra ngoài đơn vị kiểm tra)**Kính gửi: .....**Chủ sở hữu: .....**Địa chỉ: .....**Số điện thoại: .....**Đề nghị ..... đến kiểm tra các loại xe máy chuyên dùng  
được liệt kê ở bảng sau:*

TT	Loại xe máy chuyên dùng	Biển đăng ký/ Số khung	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Thời gian kiểm tra	Địa điểm kiểm tra

*Mọi thông tin xin liên hệ với Ông/Bà ..... theo số điện thoại: .....;**Số Fax: .....**....., ngày... tháng... năm ...***Người đề nghị***(ký và ghi rõ họ tên)*

## **B- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### **I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**01. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.004047**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 4 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm;

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí:** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3-phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---

**phục lục I****Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KÊ KHAI****ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu

.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) =

(.....X.....X.....X.....) m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu  
.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản  
như sau:**

Tên phương tiện: ..... Chiều cao mạn: ..... m

Năm hoạt động: ..... Chiều chìm: .....m

Công dụng: ..... Mạn khô: .....m

Năm và nơi đóng: ..... Trọng tải toàn phần: .....tấn

Vật liệu vỏ: ..... Số người có thể chở: .....người

Chiều dài lớn nhất: .....(m) Sức kéo, đẩy .....tấn

Chiều rộng lớn nhất: ..... (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...): .....

..... (cá nhân hoặc tổ chức) .....

Địa chỉ: .....

Thời gian (mua, tặng, đóng) ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa ..... ngày .... tháng .... năm...

phương cấp phường, xã

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(Nội dung: Xác nhận ông, bà ..... đăng ký hộ  
khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói  
trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký  
tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có  
đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**02. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.004002**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
  - + Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
  - + Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---



**Phụ lục I Mẫu số 7**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng  
Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI****PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu ....

- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: .....

m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều ..... chìm:

.....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm

.....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((\*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

**03. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003970**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
  - + Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biên phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

**Phụ lục I Mẫu số 7**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng  
Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI****PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu ....

- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: .....

m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều ..... chìm:

.....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm

.....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((\*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

**04. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã số TTHC: 1.006391**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 8 - phức lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8 - phức lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
  - + Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I**  
**Mẫu số 8**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

**Kính gửi:** .....  
 - Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....  
 - Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....  
 - Điện thoại: ..... Email: .....  
 Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....  
 do ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....  
 có đặc điểm cơ bản như sau:  
 Ký hiệu thiết kế: ....., Cấp tàu: .....  
 Công dụng: ....., Vật liệu vỏ: .....  
 Năm và nơi đóng: .....  
 Chiều dài thiết kế: ..... m, Chiều dài lớn nhất: .....  
 m  
 Chiều rộng thiết kế: ..... m, Chiều rộng lớn nhất: ..... m  
 Chiều cao mạn: ..... m, Chiều chìm: .....m  
 Mạn khô: ..... m, Trọng tải toàn phần: ..... tấn  
 Số người được phép chở: ..... người, Sức kéo, đẩy: ..... tấn  
 Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....  
 Máy phụ (nếu có): .....  
 Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: .....  
 ...

*(nêu lý do thay đổi địa chỉ)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện*

**05. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003930**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 9 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.
  - + Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.



(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I**  
**Mẫu số 9**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

do ..... cấp ngày .... tháng .... năm .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do: .....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

## **06. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 2.001659**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I****Mẫu số 10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu  
.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email:  
.....

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị ..... xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

### 01. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.004047

#### a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 4 – phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

#### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phức lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm;

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí:** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phức lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4 - phức lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

---

**phục lục I**  
**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu

.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) =

(.....X.....X.....X.....) m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*



361

phục lục I

Mẫu số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu  
.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản  
như sau:**

Tên phương tiện: ..... Chiều cao mạn: ..... m

Năm hoạt động: ..... Chiều chìm: .....m

Công dụng: ..... Mạn khô: .....m

Năm và nơi đóng: ..... Trọng tải toàn phần: .....tấn

Vật liệu vỏ: ..... Số người có thể chở: .....người

Chiều dài lớn nhất: .....(m) Sức kéo, đẩy .....tấn

Chiều rộng lớn nhất: ..... (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...): .....

..... (cá nhân hoặc tổ chức) .....

Địa chỉ: .....

Thời gian (mua, tặng, đóng) ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa ..... ngày .... tháng .... năm...

phương cấp phường, xã

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(Nội dung: Xác nhận ông, bà ..... đăng ký hộ

(Ký tên)

khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói

trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký  
tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có  
đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**02. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.004002**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
  - + Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
  - + Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I****Mẫu số 7**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu ....

- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều ..... chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((\*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

**03. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003970**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện: hiện** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
  - + Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

---

**Phục lục I****Mẫu số 7**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu ....

- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều ..... chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((\*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

**04. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã số TTHC: 1.006391**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 8 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
  - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
  - + Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.



(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

**Phục lục I**  
**Mẫu số 8**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

do ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: ....., Cấp tàu: .....

Công dụng: ....., Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m, Chiều dài lớn nhất: .....

m

Chiều rộng thiết kế: ..... m, Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m, Chiều chìm:

.....m

Mạn khô: ..... m, Trọng tải toàn phần: .....

tấn

Số người được phép chở: ..... người, Sức kéo, đẩy: .....

tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: .....

...

*(nêu lý do thay đổi địa chỉ)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** <sup>(2)</sup>

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện t*

**05. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003930**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Bước 2: Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do: .....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**06. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 2.001659**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 10 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Bước 2: Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công [dichvucong.binhphuoc.gov.vn](http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn);

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I****Mẫu số 10**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu  
.....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email:  
.....

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị ..... xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** <sup>(2)</sup>

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.